

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC  
SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 341/CTN-CBTT

Sóc Trăng, ngày 18 tháng 08 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp Nước Sóc Trăng thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

- Mã chứng khoán: STW
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, Phường 6, TP.Sóc Trăng
- Điện thoại liên hệ/Tel: 02993 820943
- Email: info@soctrangwaco.vn. Website: www.soctrangwaco.vn

## 2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026.  
☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 19/08/2026 tại đường dẫn: <http://www.soctrangwaco.vn/bao-mat/danh-muc-bao-cao-dinh-ky.aspx>.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên 2026,

- Văn bản giải trình S. 210/cv-cv

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



*Dương Văn Ngộ*



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**



## **MỤC LỤC**

|                                                                                                                              | <b>Trang</b>   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>                                                                                                            | <b>1</b>       |
| <b>2. Thông tin chung</b>                                                                                                    | <b>2 - 3</b>   |
| <b>3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>                                                                                      | <b>4</b>       |
| <b>4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>                                                                  | <b>5</b>       |
| <b>5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026</b>                                              | <b>6 - 9</b>   |
| <b>6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</b> | <b>10</b>      |
| <b>7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026</b>    | <b>13 - 38</b> |
| <b>9. Phụ lục</b>                                                                                                            | <b>39</b>      |

\*\*\*\*\*



**THÔNG TIN CHUNG****Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1504/QĐ.UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án và cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17 tháng 8 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ) cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : 0299 3 820 943
- Fax : 0299 3 821 278

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị                                                                               | Địa chỉ                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco | Đường D4. KCN An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Xí nghiệp cấp nước An Nghiệp                                                             | Đường D4. KCN An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Xí nghiệp cấp nước Trần Đề                                                               | Đường Nam Sông Hậu, xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ, Việt Nam            |
| Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm                                                               | Số 72 Mai Thanh Thế, phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ, Việt Nam       |
| Xí nghiệp cấp nước Long Phú                                                              | Đường tỉnh 933, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu                                                             | Đường 30/4, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ, Việt Nam              |
| Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi                                                              | Áp Ngãi Hội 1, xã Đại Ngãi, thành phố Cần Thơ, Việt Nam                |
| Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên                                                              | 141 Lê Lợi, phường Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Kế Sách                                                               | Số 02 Phan Văn Hùng, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ, Việt Nam           |
| Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi                                                               | 180 Phú Lợi, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh                                                      | 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam     |
| Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú                                                                 | Đường 30/4, xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ, Việt Nam                      |
| Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị                                                             | Quốc lộ 61B, xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ, Việt Nam                   |

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

**Hội đồng quản trị**

Các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên             | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm                                    |
|-----------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Ông Trần Anh Hòa      | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024                                        |
| Ông Đặng Văn Ngo      | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024                                    |
| Ông Ong Hải Phước     | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024                                    |
| Ông Nguyễn Trọng Kiên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026 |
| Ông Dương Ngô Hiệp    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024<br>Miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026 |
| Ông Trần Thanh Nhân   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026                                        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Quang Mãi | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026     |

### Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên                 | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm                      |
|---------------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2024  |
| Ông Nguyễn Minh Phương    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2024  |
| Ông Nguyễn Văn Ghíp       | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2025 |

### Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

| Họ và tên           | Chức vụ           | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|---------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Đặng Văn Ngộ    | Tổng Giám đốc     | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Ong Hải Phước   | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Trần Anh Hòa    | Phó Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024 |
| Ông Trần Thanh Nhân | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 05 tháng 3 năm 2025     |

### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên        | Chức vụ                    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm            |
|------------------|----------------------------|---------------------------------------|
| Ông Trần Anh Hòa | Chủ tịch Hội đồng quản trị | Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024     |
| Ông Đặng Văn Ngộ | Tổng Giám đốc              | Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2024 |

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công bố của Ban Tổng Giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Văn Ngộ**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 13 tháng 8 năm 2026



Số: 4.0277/26/TC-AC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Tây Nam Bộ**

**A&C**  
CHI NHÁNH  
TÂY NAM BỘ

**Nguyễn Hữu Danh - Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2023-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 13 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                    | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ      | Số đầu năm      |
|-------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
|                                                             |       |             |                 |                 |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN                                        | 100   |             | 110.051.229.593 | 124.480.267.310 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền                       | 110   | V.1         | 22.757.842.403  | 13.944.909.080  |
| 1. Tiền                                                     | 111   |             | 17.757.842.403  | 13.944.909.080  |
| 2. Các khoản tương đương tiền                               | 112   |             | 5.000.000.000   | -               |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn                               | 120   |             | 35.162.630.137  | 63.576.410.959  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                                   | 121   |             | -               | -               |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh                 | 122   |             | -               | -               |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn                 | 123   | V.2a        | 35.162.630.137  | 63.576.410.959  |
| 4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn        | 124   |             | -               | -               |
| 5. Đầu tư ngắn hạn khác                                     | 125   |             | -               | -               |
| 6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác         | 126   |             | -               | -               |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn                            | 130   |             | 31.129.071.149  | 26.883.760.132  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                         | 131   | V.3         | 12.081.831.893  | 11.625.886.898  |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                         | 132   | V.4         | 20.643.839.419  | 16.272.238.140  |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                                 | 133   |             | -               | -               |
| 4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng                  | 134   |             | -               | -               |
| 5. Phải thu ngắn hạn khác                                   | 135   | V.5         | 12.423.028      | 594.658.285     |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                       | 136   | V.6         | (1.609.023.191) | (1.609.023.191) |
| 7. Tài sản thiếu chờ xử lý                                  | 137   |             | -               | -               |
| IV. Hàng tồn kho                                            | 140   |             | 20.068.571.154  | 18.873.863.718  |
| 1. Hàng tồn kho                                             | 141   | V.7         | 20.068.571.154  | 18.873.863.718  |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                           | 142   |             | -               | -               |
| V. Tài sản sinh học ngắn hạn                                | 150   |             | -               | -               |
| 1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn               | 151   |             | -               | -               |
| 2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn | 152   |             | -               | -               |
| 3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn              | 153   |             | -               | -               |
| VI. Tài sản ngắn hạn khác                                   | 160   |             | 933.114.750     | 1.201.323.421   |
| 1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn                             | 161   |             | -               | -               |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ                      | 162   |             | 933.114.750     | 1.201.323.421   |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước                 | 163   |             | -               | -               |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ               | 164   |             | -               | -               |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                                    | 165   |             | -               | -               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|----------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                                           | <b>200</b> |             | <b>160.210.028.105</b> | <b>151.206.379.138</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                                 | <b>210</b> |             |                        |                        |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                                   | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                                   | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc                                | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                                           | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu dài hạn khác                                             | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi                                 | 216        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                                           | <b>220</b> |             | <b>131.004.380.914</b> | <b>122.641.942.836</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                                          | 221        | V.9         | 131.004.380.914        | 122.641.942.836        |
| - Nguyên giá                                                         | 222        |             | 612.932.044.087        | 590.916.357.729        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 223        |             | (481.927.663.173)      | (468.274.414.893)      |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính                                    | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                                           | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 228        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 229        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Tài sản sinh học dài hạn</b>                                 | <b>230</b> |             |                        |                        |
| 1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ                                 | 231        |             | -                      | -                      |
| a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành | 232        |             | -                      | -                      |
| b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành      | 233        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                                         | 234        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị khấu hao lũy kế                                            | 235        |             | -                      | -                      |
| 2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn                         | 236        |             | -                      | -                      |
| 3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn           | 237        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn                        | 238        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Bất động sản đầu tư</b>                                       | <b>240</b> |             |                        |                        |
| - Nguyên giá                                                         | 241        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                                             | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>                                    | <b>250</b> |             | <b>3.865.710.727</b>   | <b>4.256.305.872</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn                      | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang                                   | 252        | V.10        | 3.865.710.727          | 4.256.305.872          |
| <b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>                                  | <b>260</b> |             | <b>12.064.000.000</b>  | <b>12.064.000.000</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                                            | 261        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết                           | 262        | V.2b        | 12.064.000.000         | 12.064.000.000         |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                    | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn                  | 264        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn                           | 265        |             | -                      | -                      |
| 6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn                  | 266        |             | -                      | -                      |
| <b>VII. Tài sản dài hạn khác</b>                                     | <b>270</b> |             | <b>13.275.936.464</b>  | <b>12.244.130.430</b>  |
| 1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn                                       | 271        | V.8         | 13.275.936.464         | 12.244.130.430         |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại                                    | 272        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn                       | 273        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                                              | 274        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                                             | <b>280</b> |             | <b>270.261.257.698</b> | <b>275.686.646.448</b> |

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                            | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>39.228.853.847</b> | <b>37.135.740.376</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>38.231.664.477</b> | <b>36.154.551.006</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.11        | 3.871.573.797         | 6.731.919.126         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.12        | 59.632.975            | 15.846.211            |
| 3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận                       | 313        | V.13        | 4.917.717.407         | 40.797.213            |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn     | 314        | V.14        | 3.294.921.159         | 5.325.509.695         |
| 5. Phải trả người lao động                          | 315        | V.15        | 4.403.158.595         | 10.419.021.942        |
| 6. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn | 318        |             | -                     | -                     |
| 9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn                   | 319        |             | -                     | -                     |
| 10. Phải trả ngắn hạn khác                          | 320        | V.16a       | 10.076.789.513        | 5.527.587.301         |
| 11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 322        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 323        | V.17        | 11.607.871.031        | 8.093.869.518         |
| 14. Quỹ bình ổn giá                                 | 324        |             | -                     | -                     |
| 15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 325        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>997.189.370</b>    | <b>981.189.370</b>    |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn      | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Chi phí phải trả dài hạn                         | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn                    | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Phải trả dài hạn khác                            | 338        | V.16b       | 997.189.370           | 981.189.370           |
| 9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Trái phiếu chuyển đổi                           | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 343        |             | -                     | -                     |
| 14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 344        |             | -                     | -                     |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU                                                     | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                    | <b>400</b> |             | <b>231.032.403.851</b> | <b>238.550.906.072</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18a       | 158.631.330.000        | 158.631.330.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 158.631.330.000        | 158.631.330.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                                            | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn                                              | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu mua lại của chính mình                           | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.18a       | 43.035.759.140         | 36.611.992.114         |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                             | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 420        | V.18a       | 29.365.314.711         | 43.307.583.958         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 420a       |             | 22.150.918.766         | 43.307.583.958         |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 420b       |             | 7.214.395.945          | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>270.261.257.698</b> | <b>275.686.646.448</b> |

Võ Thị Phương Diệu  
Kế toán trưởng/Người lập



Phê duyệt, ngày 43 tháng 8 năm 2026

**Đặng Văn Ngộ**

Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                  | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|-----------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                           |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 01    | VI.1        | 111.754.045.349                   | 110.553.420.969  |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           | 02    |             | -                                 | -                |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 10    |             | 111.754.045.349                   | 110.553.420.969  |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 11    | VI.2        | 69.548.484.299                    | 61.368.640.060   |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 20    |             | 42.205.561.050                    | 49.184.780.909   |
| 6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư | 21    |             | -                                 | -                |
| 7. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 22    | VI.3        | 367.034.418                       | 893.005.106      |
| 8. Chi phí tài chính                                      | 23    |             | -                                 | -                |
| 9. Chi phí bán hàng                                       | 25    | VI.4        | 16.218.747.379                    | 14.890.916.334   |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                          | 26    | VI.5        | 17.740.303.225                    | 14.815.923.797   |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh               | 30    |             | 8.613.544.864                     | 20.370.945.884   |
| 12. Thu nhập khác                                         | 31    | VI.6        | 942.103.725                       | 1.203.994.328    |
| 13. Chi phí khác                                          | 32    | VI.7        | 406.973.506                       | 12.269.768.518   |
| 14. Lợi nhuận khác                                        | 40    |             | 535.130.219                       | (11.065.774.190) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                     | 50    |             | 9.148.675.083                     | 9.305.171.694    |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành          | 51    | V.14        | 1.934.279.138                     | 4.410.554.148    |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại           | 52    |             | -                                 | -                |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp              | 60    |             | 7.214.395.945                     | 4.894.617.546    |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                              | 70    | VI.8a,b     | 245                               | 167              |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                            | 71    | VI.8a,b     | 245                               | 167              |



Võ Thị Phương Diệu  
Kế toán trưởng/Người lập



Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Đặng Văn Ngộ  
Người đại diện theo pháp luật



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                        | Mã số     | Thuyết minh            | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                                                                 |           |                        | Năm nay                           | Năm trước              |
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |                        |                                   |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |                        | 126.025.543.387                   | 127.973.745.028        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |                        | (65.545.964.038)                  | (62.776.210.796)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                              | 03        |                        | (32.585.471.239)                  | (31.321.000.409)       |
| 4. Chi phí đi vay đã trả                                                        | 04        |                        | -                                 | -                      |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                            | 05        | V.14                   | (2.996.685.990)                   | (3.135.228.730)        |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                        | 06        |                        | 65.612.956.828                    | 99.469.842.166         |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |                        | (96.222.211.544)                  | (138.258.025.980)      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |                        | <b>(5.711.832.596)</b>            | <b>(8.046.878.721)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |                        |                                   |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        | V.4, V.9<br>V.10, V.11 | (24.239.343.672)                  | (22.230.559.289)       |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        |                        | -                                 | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |                        | (30.000.000.000)                  | (25.000.000.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |                        | 65.000.000.000                    | 60.000.000.000         |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                     | 25        |                        | -                                 | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác                                 | 26        |                        | -                                 | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | V.2a, VI.3             | 3.764.109.591                     | 2.318.584.779          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |                        | <b>14.524.765.919</b>             | <b>15.088.025.490</b>  |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                  | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                  |
|---------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------------------------|------------------|
|                                                                           |       |             | Năm nay                           | Năm trước        |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                               |       |             |                                   |                  |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu            | 31    |             | -                                 | -                |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành | 32    |             | -                                 | -                |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                     | 33    |             | -                                 | -                |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                    | 34    |             | -                                 | -                |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                         | 35    |             | -                                 | -                |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                | 36    |             | -                                 | (26.978.391.802) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                              | 40    |             | -                                 | (26.978.391.802) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                            | 50    |             | 8.812.933.323                     | (19.937.245.033) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                                          | 60    | V.1         | 13.944.909.080                    | 37.874.177.181   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                   | 61    |             | -                                 | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                          | 70    | V.1         | 22.757.842.403                    | 17.936.932.148   |

Võ Thị Phương Diệu  
Kế toán trưởng/Người lập



Phê duyệt ngày 13 tháng 8 năm 2026

Đặng Văn Ngộ  
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**  
Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**  
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh**  
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Công ty**  
**Công ty liên kết**  
Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng có trụ sở chính tại đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

| Tên đơn vị                                                                               | Địa chỉ                                                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco | Đường D4, KCN An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Xí nghiệp cấp nước An Nghiệp                                                             | Đường D4, KCN An Nghiệp, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |
| Xí nghiệp cấp nước Trần Đề                                                               | Đường Nam Sông Hậu, xã Trần Đề, thành phố Cần Thơ, Việt Nam            |
| Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm                                                               | Số 72 Mai Thanh Thế, phường Ngã Năm, thành phố Cần Thơ, Việt Nam       |
| Xí nghiệp cấp nước Long Phú                                                              | Đường tỉnh 933, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu                                                             | Đường 30/4, phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ, Việt Nam              |
| Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi                                                              | Áp Ngãi Hội 1, xã Đại Ngãi, thành phố Cần Thơ, Việt Nam                |
| Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên                                                              | 141 Lê Lợi, phường Mỹ Xuyên, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Kế Sách                                                               | Số 02 Phan Văn Hùng, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ, Việt Nam           |
| Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi                                                               | 180 Phú Lợi, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ, Việt Nam               |
| Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh                                                      | 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam     |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| Tên đơn vị                   | Địa chỉ                                              |
|------------------------------|------------------------------------------------------|
| Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú     | Đường 30/4, xã Mỹ Tú, thành phố Cần Thơ, Việt Nam    |
| Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị | Quốc lộ 61B, xã Phú Lộc, thành phố Cần Thơ, Việt Nam |

### 6. Số lượng người lao động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 295 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 319 nhân viên).

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

### 8. Thông tin khác

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM (Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán "STW" theo Quyết định số 380/QĐ-SGDHN ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 06 tháng 7 năm 2018.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND") do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc được phân cấp lập Báo cáo tài chính. Các giao dịch nội bộ, số dư nội bộ giữa Trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc, giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chỉ tiêu này mà trình bày tại chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua (phí giao dịch, hoa hồng môi giới,...). Lãi dồn tích từ kỳ trước tính đến ngày mua được ghi giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Thu nhập lãi sau ngày mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Trường hợp có phát sinh chiết khấu hoặc phụ trội tại thời điểm mua, phần chiết khấu được phân bổ dần trong suốt kỳ hạn còn lại của khoản đầu tư theo phương pháp lãi suất thực, ghi tăng giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính; phần phụ trội được phân bổ dần theo phương pháp tương tự, ghi giảm giá trị khoản đầu tư và ghi nhận vào chi phí tài chính.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy, tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài



# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư. Trường hợp các bằng chứng tồn thất giảm đi hoặc không còn trong kỳ sau, phần tồn thất đã ghi nhận được hoàn nhập và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn. Mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

#### 6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

### **Chi phí công cụ, dụng cụ**

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng hoặc cho thuê liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 3 năm).

### **Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định**

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 3 năm).

### **Các chi phí chờ phân bổ khác**

Các chi phí khác đã phát sinh có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo tiêu thức phù hợp với đặc điểm và bản chất của từng khoản chi phí.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Năm nay</u> |
|---------------------------------|----------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25        |
| Máy móc và thiết bị             | 03 - 08        |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 12        |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 08        |
| Tài sản cố định hữu hình khác   | 03 - 05        |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hằng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

#### 9. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 10. Phải trả cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của doanh nghiệp.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng bao gồm giá trị ban đầu được thỏa thuận trong hợp đồng và các khoản điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện được hai bên thống nhất, bao gồm các khoản thay đổi phạm vi công việc, yêu cầu bổ sung, tiền thưởng hoàn thành sớm tiến độ hoặc các khoản bồi thường bù đắp chi phí phát sinh ngoài giá hợp đồng - với điều kiện các khoản này có thể xác định một cách đáng tin cậy và có khả năng được phê duyệt.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, khoản lỗ dự kiến được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Khi dự báo tổng chi phí hợp đồng vượt quá tổng doanh thu hợp đồng, toàn bộ khoản lỗ dự kiến của hợp đồng được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ phát hiện, không phụ thuộc vào giai đoạn hoàn thành của hợp đồng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ hoạt động đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào đơn vị đã đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, thời điểm ghi nhận là ngày đăng ký cuối cùng. Đối với khoản đầu tư vào các đơn vị khác, thời điểm ghi nhận được xác định theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của đơn vị nhận đầu tư. Chi phần cổ tức thuộc giai đoạn sau ngày đầu tư mới được ghi nhận vào doanh thu, phần thuộc giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận doanh thu và không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư, chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hay thu nhập chịu thuế tại thời điểm phát sinh.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để sử dụng các chênh lệch tạm thời đó, đồng thời được ghi nhận cho các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng khi có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì không được phản ánh vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào cuối mỗi kỳ kế toán và được giảm xuống trong phạm vi không còn chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế để thu hồi toàn bộ hoặc một phần tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên thuế suất và quy định thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi lập Báo cáo tình hình tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ với nhau khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đến Công ty (bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty (bao gồm Ban Tổng Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này).
- Các doanh nghiệp do các cá nhân thuộc các nhóm trên kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể.

Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: vợ/chồng, con đẻ, con nuôi, con riêng và những người phụ thuộc của cá nhân đó hoặc vợ/chồng của họ.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng: doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                                         | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                                                                                | 457.214.514           | 469.261.788           |
| Tiền gửi không kỳ hạn                                                                   | 17.300.627.889        | 13.475.647.292        |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng                             | 5.882.674.742         | 9.148.403.245         |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng                            | 6.114.383.918         | 225.150.810           |
| - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng          | 1.537.672.781         | 1.924.335.327         |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng                    | 2.419.069.577         | 98.474.128            |
| - Các ngân hàng khác                                                                    | 1.346.826.871         | 2.079.283.782         |
| Các khoản tương đương tiền                                                              | 5.000.000.000         | -                     |
| - Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng | 5.000.000.000         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                                                             | <b>22.757.842.403</b> | <b>13.944.909.080</b> |

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào công ty liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

|                                                                         | Số cuối kỳ            |                        |                  | Số đầu năm            |                        |                  |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|-----------------------|------------------------|------------------|
|                                                                         | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị dự phòng | Giá gốc               | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị dự phòng |
| Tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 35.000.000.000        | 35.000.000.000         | -                | 60.000.000.000        | 60.000.000.000         | -                |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sóc Trăng                   | 5.000.000.000         | 5.000.000.000          | -                | 5.000.000.000         | 5.000.000.000          | -                |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Phòng giao dịch Bình Thủy          | -                     | -                      | -                | 55.000.000.000        | 55.000.000.000         | -                |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng | 30.000.000.000        | 30.000.000.000         | -                | -                     | -                      | -                |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu                                           | 162.630.137           | 162.630.137            | -                | 3.576.410.959         | 3.576.410.959          | -                |
| <b>Cộng</b>                                                             | <b>35.162.630.137</b> | <b>35.162.630.137</b>  | <b>-</b>         | <b>63.576.410.959</b> | <b>63.576.410.959</b>  | <b>-</b>         |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

|                                               | Số cuối kỳ     |                        |                  | Số đầu năm     |                        |                  |
|-----------------------------------------------|----------------|------------------------|------------------|----------------|------------------------|------------------|
|                                               | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị dự phòng | Giá gốc        | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị dự phòng |
| Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng <sup>(i)</sup> | 12.064.000.000 | 12.064.000.000         | -                | 12.064.000.000 | 12.064.000.000         | -                |
| Cộng                                          | 12.064.000.000 | 12.064.000.000         | -                | 12.064.000.000 | 12.064.000.000         | -                |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 5 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

Giá trị có thể thu hồi

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc các khoản đầu tư có thể xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, giá trị có thể thu hồi được xác định theo giá trị thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư theo tỷ lệ vốn góp, căn cứ vào Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu bên được đầu tư là công ty mẹ) hoặc Báo cáo tài chính riêng (nếu bên được đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Giao dịch giữa Công ty với các công ty liên kết được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                         | Số cuối kỳ     |                  | Số đầu năm     |                  |
|-----------------------------------------|----------------|------------------|----------------|------------------|
|                                         | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng | Giá trị ghi sổ | Giá trị dự phòng |
| Phải thu khách hàng tiền nước sạch      | 9.525.482.784  | -                | 9.027.667.304  | -                |
| Phải thu khách hàng tiền lắp đặt        | 2.360.597.109  | (1.586.669.191)  | 2.450.593.558  | (1.586.669.191)  |
| Phải thu khách hàng tiền nước đóng chai | 195.752.000    | (22.354.000)     | 147.626.036    | (22.354.000)     |
| Cộng                                    | 12.081.831.893 | (1.609.023.191)  | 11.625.886.898 | (1.609.023.191)  |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                             | Số cuối kỳ    | Số đầu năm    |
|---------------------------------------------|---------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ VTEC Việt Nam     | -             | 1.533.240.000 |
| Công ty TNHH Minh Thành Group               | 3.664.663.549 | 3.664.663.549 |
| Công ty TNHH Thương mại Công nghệ Xanh Vina | 5.652.867.360 | 5.725.001.360 |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

|                                                       | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ môi trường Tân Tiến | 1.751.730.000         | 1.679.730.000         |
| Công ty Cổ phần Xây lắp OWA Việt Nam                  | 2.656.498.915         | -                     |
| Công ty TNHH Kỹ Thuật P và P                          | 2.468.464.800         | -                     |
| Các nhà cung cấp khác                                 | 4.449.614.795         | 3.669.603.231         |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>20.643.839.419</b> | <b>16.272.238.140</b> |

Trong đó, khoản ứng trước để mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 15.535.771.760 VND (số đầu năm là 13.399.084.323 VND).

#### 5. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                   | Số cuối kỳ        |                  | Số đầu năm         |                  |
|---------------------------------------------------|-------------------|------------------|--------------------|------------------|
|                                                   | Giá trị ghi sổ    | Giá trị dự phòng | Giá trị ghi sổ     | Giá trị dự phòng |
| Thuế thu nhập cá nhân phải thu của người lao động | -                 | -                | 583.643.360        | -                |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác                  | 12.423.028        | -                | 11.014.925         | -                |
| <b>Cộng</b>                                       | <b>12.423.028</b> | <b>-</b>         | <b>594.658.285</b> | <b>-</b>         |

#### 6. Nợ quá hạn

|                                                             | Thời gian quá hạn       | Số cuối kỳ           |                        | Thời gian quá hạn         | Số đầu năm           |                        |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
|                                                             |                         | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |                           | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| <b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>                          |                         |                      |                        |                           |                      |                        |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu tiền bán hàng  | Từ 2 năm đến trên 3 năm | 313.409.300          | 54.318.600             | Từ 2 năm đến trên 3 năm   | 313.409.300          | 54.318.600             |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng | Trên 3 năm              | 102.572.474          | -                      | Trên 3 năm                | 102.572.474          | -                      |
| Công ty Cổ Phần Hà Đô 1 - Phải thu tiền bán hàng            | Trên 3 năm              | 384.571.700          | -                      | Trên 3 năm                | 384.571.700          | -                      |
| Phải thu các khách hàng khác                                | Từ 1 năm đến dưới 3 năm | 992.609.845          | 129.821.528            | Từ 6 tháng đến dưới 3 năm | 992.609.845          | 129.821.528            |
| <b>Cộng</b>                                                 |                         | <b>1.793.163.319</b> | <b>184.140.128</b>     |                           | <b>1.793.163.319</b> | <b>184.140.128</b>     |

Trong kỳ, không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

#### 7. Hàng tồn kho

|                       | Số cuối kỳ            |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                       | Giá gốc               | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 19.866.509.199        | -        | 18.633.418.581        | -        |
| Công cụ, dụng cụ      | 181.062.293           | -        | 193.173.812           | -        |
| Thành phẩm            | 20.999.662            | -        | 47.271.325            | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>20.068.571.154</b> | <b>-</b> | <b>18.873.863.718</b> | <b>-</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

|                                  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ                 | 246.438.128           | 262.740.966           |
| Chi phí lắp đặt                  | 7.119.595.957         | 8.950.190.401         |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 5.909.902.379         | 3.031.199.063         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>13.275.936.464</b> | <b>12.244.130.430</b> |

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định trong kỳ xem tại Phụ lục đính kèm.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, không có tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

|                                                                                                                    | Số đầu năm           | Chi phí phát sinh trong kỳ | Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ | Số cuối kỳ           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------|
| <b>Mua sắm TSCĐ</b>                                                                                                | -                    | <b>2.368.314.000</b>       | <b>(2.368.314.000)</b>       | -                    |
| Hệ thống khử trùng bằng tia cực tím Xí nghiệp Cấp nước Nguyễn Chí Thanh                                            | -                    | 1.854.944.000              | (1.854.944.000)              | -                    |
| Các tài sản khác                                                                                                   | -                    | 513.370.000                | (513.370.000)                | -                    |
| <b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>                                                                                     | <b>4.247.083.498</b> | <b>19.082.472.019</b>      | <b>(19.463.844.790)</b>      | <b>3.865.710.727</b> |
| Công trình Bể chứa nước sạch 500m <sup>3</sup> - Trạm Cấp nước Hải Ngư                                             | 2.072.363.007        | 34.884.880                 | (2.107.247.887)              | -                    |
| Cải tạo công nghệ, nâng cao chất lượng nước sạch trạm Cấp nước Sung Đỉnh, công suất 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm | -                    | 2.559.322.800              | (2.559.322.800)              | -                    |
| Thi công xây dựng và lắp đặt bể chứa, bể móng, bể đặt bơm cấp 2, mái che tại trạm Cấp nước Sung Đỉnh               | -                    | 2.168.099.200              | (2.168.099.200)              | -                    |
| Cung cấp, lắp đặt bể lắng Lamella công suất 5000 m <sup>3</sup> /ngày đêm Xí nghiệp Cấp nước Nguyễn Chí Thanh      | 188.051.118          | 3.078.308.862              | (3.266.359.980)              | -                    |
| Tuyến ống đường Nguyễn Huệ, áp 1 đến áp Xa Mau 1                                                                   | 683.061.742          | -                          | -                            | 683.061.742          |
| Các công trình khác                                                                                                | 1.303.607.631        | 11.241.856.277             | (9.362.814.923)              | 3.182.648.985        |
| <b>Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ</b>                                                                            | <b>9.222.374</b>     | <b>174.305.194</b>         | <b>(183.527.568)</b>         | -                    |
| Cải tạo đường ống thép D400 trạm bơm cấp 2 Xí nghiệp Cấp nước Phú Lợi                                              | 9.222.374            | 174.305.194                | (183.527.568)                | -                    |
| <b>Cộng</b>                                                                                                        | <b>4.256.305.872</b> | <b>21.625.091.213</b>      | <b>(22.015.686.358)</b>      | <b>3.865.710.727</b> |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                           | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <i>Phải trả bên liên quan</i>                             | <i>1.544.381.125</i> | <i>1.393.422.192</i> |
| Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng                            | 1.544.381.125        | 1.393.422.192        |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>                     | <i>2.327.192.672</i> | <i>5.338.496.934</i> |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cầu đường Việt Nam        | 1.288.305.429        | 1.288.305.429        |
| Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ | -                    | 1.312.762.500        |
| Công ty Cổ phần Xây lắp OWA Việt Nam                      | -                    | 866.069.128          |
| Điện lực Cần Thơ                                          | -                    | 1.318.646.751        |
| Công ty Cổ phần Hội ngộ Phương Nam                        | 550.013.760          | -                    |
| Các nhà cung cấp khác                                     | 488.873.483          | 552.713.126          |
| <b>Cộng</b>                                               | <b>3.871.573.797</b> | <b>6.731.919.126</b> |

Trong đó, khoản phải trả người bán về mua sắm, xây dựng tài sản cố định là 2.038.294.917 VND (số đầu năm là 2.515.859.939 VND).

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                                     | Số cuối kỳ        | Số đầu năm        |
|---------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Tài Kim Anh                       | 56.808.264        | -                 |
| Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải thành phố Sóc Trăng | 2.469.711         | 2.469.711         |
| Các khách hàng khác                                                 | 355.000           | 13.376.500        |
| <b>Cộng</b>                                                         | <b>59.632.975</b> | <b>15.846.211</b> |

13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

|                                 | Số cuối kỳ           | Số đầu năm        |
|---------------------------------|----------------------|-------------------|
| Các tổ chức và cá nhân khác (*) | 4.917.717.407        | 40.797.213        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>4.917.717.407</b> | <b>40.797.213</b> |

(\*) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông theo tỷ lệ 3,13% vốn góp với số tiền 4.876.920.194 VND.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

|                                        | Số đầu năm           | Số phải nộp trong kỳ  | Số đã thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ           |
|----------------------------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa             | 93.688.679           | 495.955.251           | (460.559.463)           | 129.084.467          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp             | 2.956.129.079        | 1.934.279.138         | (2.996.685.990)         | 1.893.722.227        |
| Thuế thu nhập cá nhân                  | 583.643.360          | 122.036.006           | (674.868.822)           | 30.810.544           |
| Thuế tài nguyên                        | 876.155.750          | 5.358.612.584         | (5.342.052.196)         | 892.716.138          |
| Phí bảo vệ môi trường                  | 815.892.827          | 3.113.624.847         | (3.580.929.891)         | 348.587.783          |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | -                    | 317.979.215           | (317.979.215)           | -                    |
| <b>Cộng</b>                            | <b>5.325.509.695</b> | <b>11.342.487.041</b> | <b>(13.373.075.577)</b> | <b>3.294.921.159</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                     |     |
|-------------------------------------|-----|
| Nước sinh hoạt                      | 5%  |
| Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai | 10% |

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

|                                                                                                         | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                                                                                         | Năm nay                           | Năm trước            |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                                       | 9.148.675.083                     | 9.305.171.694        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                                   |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                                             | 326.720.606                       | 12.747.599.043       |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                                             | -                                 | -                    |
| Thu nhập chịu/tính thuế                                                                                 | 9.475.395.689                     | 22.052.770.737       |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp                                                                    | 20%                               | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>                                     | <b>1.895.079.138</b>              | <b>4.410.554.148</b> |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                 | <b>39.200.000</b>                 | -                    |
| <b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                                         | <b>1.934.279.138</b>              | <b>4.410.554.148</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### **Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm và nước mặt dựa vào sản lượng nước khai thác hàng tháng với giá tính thuế 9.131 VND/m<sup>3</sup> với mức thuế suất lần lượt là 5% và 1%.

### **Phí bảo vệ môi trường**

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của một m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

### **Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

### 16. Phải trả khác

#### 16a. Phải trả ngắn hạn khác

|                                                                                                   | Số cuối kỳ            | Số đầu năm           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Kinh phí công đoàn                                                                                | 96.526.896            | -                    |
| Tiền quỹ bảo vệ và phát triển rừng                                                                | 318.189.716           | 301.148.068          |
| Sở Tài chính thành phố Cần Thơ (trước đây là Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng) – Thu hộ phí thoát nước | 9.661.512.901         | 5.224.279.233        |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                                                                  | 560.000               | 2.160.000            |
| <b>Cộng</b>                                                                                       | <b>10.076.789.513</b> | <b>5.527.587.301</b> |

#### 16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

|                                   | Số đầu năm           | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Chi quỹ trong kỳ       | Số cuối kỳ            |
|-----------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 2.344.723.164        | 2.500.000.000                  | (2.047.584.000)        | 2.797.139.164         |
| Quỹ phúc lợi                      | 5.749.146.354        | 6.861.927.513                  | (3.800.342.000)        | 8.810.731.867         |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | -                    | 494.050.459                    | (494.050.459)          | -                     |
| <b>Cộng</b>                       | <b>8.093.869.518</b> | <b>9.855.977.972</b>           | <b>(6.341.976.459)</b> | <b>11.607.871.031</b> |

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                                  | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                   |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Số dư đầu năm trước              | 158.631.330.000        | 24.292.828.144        | 89.933.939.862                    | 272.858.098.006        |
| Lợi nhuận trong kỳ trước         | -                      | -                     | 4.894.617.546                     | 4.894.617.546          |
| Trích lập các quỹ trong kỳ trước | -                      | 12.319.163.970        | (23.459.244.720)                  | (11.140.080.750)       |
| Chia cổ tức trong kỳ trước       | -                      | -                     | (44.579.667.936)                  | (44.579.667.936)       |
| <b>Số dư cuối kỳ trước</b>       | <b>158.631.330.000</b> | <b>36.611.992.114</b> | <b>26.789.644.752</b>             | <b>222.032.966.866</b> |
| Số dư đầu năm nay                | 158.631.330.000        | 36.611.992.114        | 43.307.583.958                    | 238.550.906.072        |
| Lợi nhuận trong kỳ này           | -                      | -                     | 7.214.395.945                     | 7.214.395.945          |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này   | -                      | 6.423.767.026         | (16.279.744.998)                  | (9.855.977.972)        |
| Chia cổ tức                      | -                      | -                     | (4.876.920.194)                   | (4.876.920.194)        |
| <b>Số dư cuối kỳ này</b>         | <b>158.631.330.000</b> | <b>43.035.759.140</b> | <b>29.365.314.711</b>             | <b>231.032.403.851</b> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

|                                                                                 | Số cuối kỳ             | Số đầu năm             |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) | 77.729.350.000         | 77.729.350.000         |
| Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam                                                   | 38.032.130.000         | 38.032.130.000         |
| Bà Nghiêm Thị Lệ Hằng                                                           | 26.171.520.000         | 30.171.520.000         |
| Các cổ đông khác                                                                | 16.698.330.000         | 12.698.330.000         |
| <b>Cộng</b>                                                                     | <b>158.631.330.000</b> | <b>158.631.330.000</b> |

#### 18c. Cổ phiếu

|                                     | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------------------------------|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.863.133 | 15.863.133 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 15.863.133 | 15.863.133 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 15.863.133 | 15.863.133 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 15.863.133 | 15.863.133 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 15.863.133 | 15.863.133 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026 như sau:

|                                                   | VND             |
|---------------------------------------------------|-----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông                     | : 4.876.920.194 |
| • Trích lập quỹ đầu tư phát triển                 | : 6.423.767.026 |
| • Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi             | : 9.361.927.513 |
| • Thưởng cho Ban Tổng Giám đốc và cán bộ chủ chốt | : 494.050.459   |

#### 19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

##### Nợ khó đòi đã xử lý

|                                    | Số cuối kỳ           | Số đầu năm           | Nguyên nhân xóa sổ        |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------|
| Phải thu khách hàng - tiền lắp đặt | 1.733.608.520        | 1.733.608.520        | Không có khả năng thu hồi |
| <b>Cộng</b>                        | <b>1.733.608.520</b> | <b>1.733.608.520</b> |                           |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

|                                   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                        |
|-----------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
|                                   | Năm nay                           | Năm trước              |
| Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt | 108.860.691.141                   | 107.392.654.475        |
| Doanh thu lắp đặt                 | 877.274.028                       | 1.196.833.271          |
| Doanh thu nước đóng chai          | 2.001.257.091                     | 1.943.629.159          |
| Doanh thu khác                    | 14.823.089                        | 20.304.064             |
| Cộng                              | <u>111.754.045.349</u>            | <u>110.553.420.969</u> |

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.1b.

#### 2. Giá vốn hàng bán

|                                    | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                    | Năm nay                           | Năm trước             |
| Giá vốn nước sinh hoạt đã cung cấp | 67.551.039.182                    | 59.130.043.806        |
| Giá vốn lắp đặt - bảo dưỡng        | 664.399.399                       | 841.979.013           |
| Giá vốn nước đóng chai             | 1.333.045.718                     | 1.396.617.241         |
| Cộng                               | <u>69.548.484.299</u>             | <u>61.368.640.060</u> |

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                    |
|---------------------------|-----------------------------------|--------------------|
|                           | Năm nay                           | Năm trước          |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 16.705.649                        | 6.806.627          |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn    | 350.328.769                       | 886.198.479        |
| Cộng                      | <u>367.034.418</u>                | <u>893.005.106</u> |

#### 4. Chi phí bán hàng

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí cho nhân viên            | 7.006.743.978                     | 5.609.718.362         |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 8.574.943.619                     | 8.883.742.680         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 202.464.540                       | 99.829.224            |
| Các chi phí khác                 | 434.595.242                       | 297.626.068           |
| Cộng                             | <u>16.218.747.379</u>             | <u>14.890.916.334</u> |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí cho nhân viên            | 9.837.827.195                     | 8.063.619.477         |
| Chi phí vật liệu quản lý         | 1.491.190.745                     | 948.252.106           |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 227.099.532                       | 231.616.725           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 408.552.646                       | 432.692.422           |
| Thuế, phí và lệ phí              | 317.979.215                       | 16.000.000            |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 116.123.146                       | 126.982.181           |
| Các chi phí khác                 | 5.341.530.746                     | 4.996.760.886         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>17.740.303.225</b>             | <b>14.815.923.797</b> |

#### 6. Thu nhập khác

|                                | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                      |
|--------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
|                                | Năm nay                           | Năm trước            |
| Tiền công cùp, mở nước         | 75.837.000                        | 84.296.500           |
| Hoa hồng thu hộ phí thoát nước | 493.025.962                       | 516.814.855          |
| Phí bảo vệ môi trường          | 345.958.316                       | 570.648.980          |
| Các khoản thu nhập khác        | 27.282.447                        | 32.233.993           |
| <b>Cộng</b>                    | <b>942.103.725</b>                | <b>1.203.994.328</b> |

#### 7. Chi phí khác

|                                             | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|---------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                             | Năm nay                           | Năm trước             |
| Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế | 19.523.506                        | 12.079.800.518        |
| Chi tiền 10% dịch vụ thoát nước để lại      | 387.450.000                       | -                     |
| Chi phí khác                                | -                                 | 189.968.000           |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>406.973.506</b>                | <b>12.269.768.518</b> |

#### 8. Lãi trên cổ phiếu

##### 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                            | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                 |
|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------|
|                                                                            | Năm nay                           | Năm trước       |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 7.214.395.945                     | 4.894.617.546   |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                                        | (3.154.254.425)                   | (2.140.008.557) |
| Trích thưởng các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát (*)          | (166.457.265)                     | (112.933.176)   |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu                           | 3.893.684.255                     | 2.641.675.813   |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ | 15.863.133                        | 15.863.133      |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>                                   | <b>245</b>                        | <b>167</b>      |

(\*) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát kỳ này được tạm tính theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2026.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích thưởng các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 225 VND xuống còn 167 VND.

### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                       |
|----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
|                                  | Năm nay                           | Năm trước             |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 39.124.181.802                    | 34.405.894.369        |
| Chi phí nhân công                | 31.441.968.366                    | 25.487.009.526        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 13.653.248.280                    | 11.308.139.174        |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.346.145.884                     | 5.638.584.229         |
| Chi phí khác                     | 16.941.990.571                    | 14.235.852.893        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>103.507.534.903</b>            | <b>91.075.480.191</b> |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| Kỳ này                                                                  | Tiền lương  | Thù lao     | Cộng thu nhập |
|-------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------|---------------|
| Ông Trần Anh Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc    | 338.000.000 | 125.000.719 | 463.000.719   |
| Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc      | 329.940.000 | 118.421.734 | 448.361.734   |
| Ông Ong Hải Phước - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 278.592.000 | 118.421.734 | 397.013.734   |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

|                                                                                            | Tiền lương           | Thù lao            | Cộng thu nhập        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------|----------------------|
| Ông Trần Thanh Nhân – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc                  | 241.983.169          | 20.343.827         | 262.326.996          |
| Ông Nguyễn Quang Mãi – Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026)    | -                    | 18.000.000         | 18.000.000           |
| Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026) | -                    | 100.421.734        | 100.421.734          |
| Ông Dương Ngô Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2026)    | -                    | 100.421.734        | 100.421.734          |
| Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh - Trưởng Ban kiểm soát                                           | -                    | 198.000.000        | 198.000.000          |
| Ông Nguyễn Minh Phương - Thành viên Ban kiểm soát                                          | -                    | 71.000.000         | 71.000.000           |
| Ông Nguyễn Văn Ghíp - Thành viên Ban kiểm soát                                             | -                    | 71.000.000         | 71.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                                                | <b>1.188.515.169</b> | <b>941.031.482</b> | <b>2.129.546.651</b> |

### Kỳ trước

|                                                                                     |                      |                      |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Ông Trần Anh Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc                | 320.648.575          | 185.987.564          | 506.636.139          |
| Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc                  | 321.939.000          | 177.727.870          | 499.666.870          |
| Ông Ong Hải Phước - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc             | 270.548.760          | 177.727.870          | 448.276.630          |
| Ông Trần Thanh Nhân – Phó Tổng Giám đốc                                             | 320.648.575          | 185.987.564          | 506.636.139          |
| Ông Nguyễn Trọng Kiên - Thành viên Hội đồng quản trị                                | -                    | 168.862.665          | 168.862.665          |
| Ông Dương Ngô Hiệp - Thành viên Hội đồng quản trị                                   | -                    | 148.674.647          | 148.674.647          |
| Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh - Trưởng Ban kiểm soát                                    | -                    | 211.376.988          | 211.376.988          |
| Ông Nguyễn Minh Phương - Thành viên Ban kiểm soát                                   | -                    | 84.263.226           | 84.263.226           |
| Ông Nguyễn Văn Ghíp - Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2025) | -                    | 36.000.000           | 36.000.000           |
| <b>Cộng</b>                                                                         | <b>1.023.936.335</b> | <b>1.241.494.636</b> | <b>2.265.430.971</b> |

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### Bên liên quan khác

|                                                                                    | Mối quan hệ                       |
|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ<br>(trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) | Cổ đông lớn chiếm 49% vốn điều lệ |
| Công ty Cổ phần VBIC Việt Nam                                                      | Cổ đông lớn                       |
| Bà Nghiêm Thị Lệ Hằng                                                              | Cổ đông lớn                       |
| Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng                                                     | Công ty liên kết                  |

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ và các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|                                                                                 | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |                |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
|                                                                                 | Năm nay                           | Năm trước      |
| Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trước đây là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng) |                                   |                |
| Chia cổ tức                                                                     | -                                 | 13.112.941.345 |



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

|                                       | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này |               |
|---------------------------------------|-----------------------------------|---------------|
|                                       | Năm nay                           | Năm trước     |
| <b>Công ty Cổ phần Nước Sóc Trăng</b> |                                   |               |
| Mua nước sạch                         | 8.852.142.688                     | 7.757.584.534 |
| Bán nước đóng chai                    | 1.062.963                         | 580.000       |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là lĩnh vực cung cấp nước sinh hoạt. Doanh thu và giá vốn của lĩnh vực này được trình bày tại VI.1 và VI.2.

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 3. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

### *Dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 12.081.831.893 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 1.609.023.191 VND.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn.

#### **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Công ty ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho dựa trên giá bán dự kiến trừ chi phí bán hàng ước tính. Sự không chắc chắn phát sinh từ biến động giá thị trường, thay đổi nhu cầu của khách hàng và rủi ro lỗi thời của hàng hóa/vật tư tồn kho.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng giá bán thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính là thấp trong điều kiện thị trường hiện tại, dựa trên xu hướng giá thị trường 6 tháng gần nhất và các đơn hàng đã ký kết.

Trên cơ sở kết quả đánh giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho không thấp hơn giá gốc, do đó không cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc đánh giá này sẽ tiếp tục được rà soát tại các kỳ lập Báo cáo tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro:

- Kiểm kê và đánh giá chất lượng hàng tồn kho định kỳ mỗi 6 tháng.
- Theo dõi nhu cầu sử dụng vật tư và phụ tùng thay thế để xây dựng kế hoạch mua sắm phù hợp, hạn chế tình trạng tồn kho vượt nhu cầu.
- Định kỳ rà soát các loại vật tư, hàng tồn kho chậm luân chuyển, kém phẩm chất hoặc không còn nhu cầu sử dụng để có phương án xử lý phù hợp;
- Tăng cường kiểm soát việc nhập, xuất và sử dụng vật tư nhằm đảm bảo hàng tồn kho được sử dụng hiệu quả, phù hợp với nhu cầu vận hành hệ thống cấp nước.

#### **Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định**

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Ban Tổng Giám đốc chưa xác định có yếu tố nào làm thay đổi đáng kể các giả định đang được sử dụng để xác định thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

#### **Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế hoãn lại**

Việc xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và tài sản/thuế hoãn lại đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc thực hiện các giả định về khả năng áp dụng các quy định thuế hiện hành, khả năng tạo ra lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng tài sản thuế hoãn lại và rủi ro bị cơ quan thuế điều chỉnh khi kiểm tra quyết toán thuế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng lợi nhuận tính thuế thực tế thấp hơn đáng kể so với kế hoạch là thấp dựa trên kết quả kinh doanh các năm gần đây và kế hoạch kinh doanh được phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát định kỳ khả năng thu hồi tài sản thuế hoãn lại hàng năm.
- Tham vấn chuyên gia thuế về việc áp dụng các quy định thuế đối với các giao dịch phức tạp.
- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ chứng từ để sẵn sàng giải trình với kiểm tra thuế.
- Theo dõi sát diễn biến chính sách thuế và điều chỉnh ước tính kịp thời.

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Võ Thị Phương Diệu**  
Kế toán trưởng/Người lập



**Đặng Văn Ngọ**  
Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: 16 Nguyễn Chí Thanh, phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Phụ lục : Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

|                                       |                        |                     |                                 |                           |                               | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------|
| Nguyên giá                            | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng             |
| Số đầu năm                            | 119.882.153.206        | 100.518.062.099     | 367.425.186.207                 | 2.408.731.956             | 682.224.261                   | 590.916.357.729  |
| Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành     | 6.580.009.919          | 8.649.531.780       | 6.601.604.659                   | 184.540.000               | -                             | 22.015.686.358   |
| Số cuối kỳ                            | 126.462.163.125        | 109.167.593.879     | 374.026.790.866                 | 2.593.271.956             | 682.224.261                   | 612.932.044.087  |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                               |                  |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 94.106.130.526         | 43.128.526.855      | 204.884.701.657                 | 1.572.665.956             | 682.224.261                   | 344.374.249.255  |
| Chờ thanh lý                          | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -                |
| Giá trị hao mòn lũy kế                |                        |                     |                                 |                           |                               |                  |
| Số đầu năm                            | 106.918.251.819        | 69.854.952.751      | 288.866.027.560                 | 1.952.958.502             | 682.224.261                   | 468.274.414.893  |
| Khấu hao trong kỳ                     | 1.892.363.903          | 3.466.902.112       | 8.231.679.147                   | 62.303.118                | -                             | 13.653.248.280   |
| Số cuối kỳ                            | 108.810.615.722        | 73.321.854.863      | 297.097.706.707                 | 2.015.261.620             | 682.224.261                   | 481.927.663.173  |
| Giá trị còn lại                       |                        |                     |                                 |                           |                               |                  |
| Số đầu năm                            | 12.963.901.387         | 30.663.109.348      | 78.559.158.647                  | 455.773.454               | -                             | 122.641.942.836  |
| Số cuối kỳ                            | 17.651.547.403         | 35.845.739.016      | 76.929.084.159                  | 578.010.336               | -                             | 131.004.380.914  |
| Trong đó:                             |                        |                     |                                 |                           |                               |                  |
| Tạm thời chưa sử dụng                 | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -                |
| Đang chờ thanh lý                     | -                      | -                   | -                               | -                         | -                             | -                |



*[Handwritten signature]*

Võ Thị Phương Diệu  
Kế toán trưởng/Người lập

Đặng Văn Ngo  
Người đại diện theo pháp luật

